



CÔNG TY CỔ PHẦN 2DE VIỆT NAM

Trụ sở: Số 6, Đường Đặc 7 Nội, Cụm 8, Xã Liên Minh, TP. Hà Nội

Nhà máy 1: Số 54, Đường Yên Bình, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Nhà máy 2: KM 16 + 390 Đại lộ Thăng Long, Xã Quốc Oai, TP. Hà Nội

Hotline: 0926.33.83.86

Website: <https://2de.com.vn/>



BẢNG GIÁ MÁNG CÁP SƠN TÍNH ĐIỆN

(Áp dụng từ ngày 01/01/2026)

1, Bảng giá máng cáp chưa bao gồm vận chuyển, chưa bao gồm VAT.

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)			
					MÁNG CÁP			
					ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM			
I	MÁNG CÁP 50X50							
1	Máng cáp	50	50	Mét	60,300	69,500	85,100	111,000
2	Nắp máng cáp	50	50	Mét	23,700	27,400	33,500	43,600
3	Ngã ba T máng cáp	50	50	Cái	72,300	83,400	102,100	133,200
4	Nắp ngã ba T máng cáp	50	50	Cái	28,500	32,900	40,200	52,400
5	Chữ thập X máng cáp	50	50	Cái	90,400	104,300	127,600	166,400
6	Nắp chữ thập X máng cáp	50	50	Cái	35,600	41,100	50,200	65,400
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	50	50	Cái	66,300	76,500	93,600	122,100
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	50	50	Cái	26,100	30,100	36,800	48,000
II	MÁNG CÁP 60X40							
1	Máng cáp	60	40	Mét	56,900	65,700	80,400	104,800
2	Nắp máng cáp	60	40	Mét	27,000	31,200	38,100	49,700
3	Ngã ba T máng cáp	60	40	Cái	68,300	78,800	96,400	125,800
4	Nắp ngã ba T máng cáp	60	40	Cái	32,400	37,400	45,700	59,600
5	Chữ thập X máng cáp	60	40	Cái	85,300	98,500	120,500	157,200
6	Nắp chữ thập X máng cáp	60	40	Cái	40,500	46,700	57,100	74,500
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	60	40	Cái	62,600	72,300	88,400	115,300
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	60	40	Cái	29,700	34,300	41,900	54,700
III	MÁNG CÁP 75X50							
1	Máng cáp	75	50	Mét	68,600	79,200	96,900	126,400
2	Nắp máng cáp	75	50	Mét	31,900	36,900	45,100	58,800
3	Ngã ba T máng cáp	75	50	Cái	82,300	95,000	116,300	151,700
4	Nắp ngã ba T máng cáp	75	50	Cái	38,300	44,200	54,100	70,500
5	Chữ thập X máng cáp	75	50	Cái	102,900	118,800	145,300	189,600
6	Nắp chữ thập X máng cáp	75	50	Cái	47,900	55,300	67,600	88,100
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	75	50	Cái	75,500	87,100	106,600	139,000
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	75	50	Cái	35,100	40,500	49,600	64,600
IV	MÁNG CÁP 100X50							
1	Máng cáp	100	50	Mét	77,000	88,900	108,700	141,800
2	Nắp máng cáp	100	50	Mét	40,200	46,300	56,700	73,900
3	Ngã ba T máng cáp	100	50	Cái	92,400	106,600	130,400	170,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	100	50	Cái	48,200	55,600	68,000	88,700

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)			
	MÁNG CÁP				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM							
5	Chữ thập X máng cáp	100	50	Cái	115,400	133,300	163,000	212,700
6	Nắp chữ thập X máng cáp	100	50	Cái	60,200	69,500	85,000	110,800
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	100	50	Cái	84,700	97,700	119,600	156,000
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	100	50	Cái	44,200	51,000	62,300	81,300
V	MÁNG CÁP 100X75							
1	Máng cáp	100	75	Mét	93,700	108,200	132,300	172,600
2	Nắp máng cáp	100	75	Mét	40,200	46,300	56,700	73,900
3	Ngã ba T máng cáp	100	75	Cái	112,400	129,800	158,800	207,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	100	75	Cái	48,200	55,600	68,000	88,700
5	Chữ thập X máng cáp	100	75	Cái	140,500	162,200	198,500	258,900
6	Nắp chữ thập X máng cáp	100	75	Cái	60,200	69,500	85,000	110,800
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	100	75	Cái	103,100	119,000	145,500	189,900
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	100	75	Cái	44,200	51,000	62,300	81,300
VI	MÁNG CÁP 100X100							
1	Máng cáp	100	100	Mét	110,400	127,500	155,900	203,400
2	Nắp máng cáp	100	100	Mét	40,200	46,300	56,700	73,900
3	Ngã ba T máng cáp	100	100	Cái	132,500	152,900	187,100	244,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	100	100	Cái	48,200	55,600	68,000	88,700
5	Chữ thập X máng cáp	100	100	Cái	165,600	191,200	233,900	305,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	100	100	Cái	60,200	69,500	85,000	110,800
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	100	100	Cái	121,500	140,200	171,500	223,800
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	100	100	Cái	44,200	51,000	62,300	81,300
VII	MÁNG CÁP 150X50							
1	Máng cáp	150	50	Mét	93,700	108,200	132,300	172,600
2	Nắp máng cáp	150	50	Mét	56,600	65,300	79,800	104,100
3	Ngã ba T máng cáp	150	50	Cái	112,400	129,800	158,800	207,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	150	50	Cái	67,900	78,300	95,800	124,900
5	Chữ thập X máng cáp	150	50	Cái	140,500	162,200	198,500	258,900
6	Nắp chữ thập X máng cáp	150	50	Cái	84,800	97,900	119,700	156,200
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	150	50	Cái	103,100	119,000	145,500	189,900
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	150	50	Cái	62,200	71,800	87,800	114,500
VIII	MÁNG CÁP 150X75							
1	Máng cáp	150	75	Mét	110,400	127,500	155,900	203,400
2	Nắp máng cáp	150	75	Mét	56,600	65,300	79,800	104,100
3	Ngã ba T máng cáp	150	75	Cái	132,500	152,900	187,100	244,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	150	75	Cái	67,900	78,300	95,800	124,900
5	Chữ thập X máng cáp	150	75	Cái	165,600	191,200	233,900	305,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	150	75	Cái	84,800	97,900	119,700	156,200

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)			
	MÁNG CÁP				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM							
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	150	75	Cái	121,500	140,200	171,500	223,800
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	150	75	Cái	62,200	71,800	87,800	114,500
IX	MÁNG CÁP 150X100							
1	Máng cáp	150	100	Mét	127,200	146,800	179,600	234,200
2	Nắp máng cáp	150	100	Mét	56,600	65,300	79,800	104,100
3	Ngã ba T máng cáp	150	100	Cái	152,600	176,100	215,500	281,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	150	100	Cái	67,900	78,300	95,800	124,900
5	Chữ thập X máng cáp	150	100	Cái	190,700	220,100	269,300	351,300
6	Nắp chữ thập X máng cáp	150	100	Cái	84,800	97,900	119,700	156,200
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	150	100	Cái	139,900	161,400	197,500	257,700
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	150	100	Cái	62,200	71,800	87,800	114,500
X	MÁNG CÁP 200X50							
1	Máng cáp	200	50	Mét	110,400	127,500	155,900	203,400
2	Nắp máng cáp	200	50	Mét	73,000	84,200	103,000	134,400
3	Ngã ba T máng cáp	200	50	Cái	132,500	152,900	187,100	244,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	200	50	Cái	87,600	101,100	123,600	161,200
5	Chữ thập X máng cáp	200	50	Cái	165,600	191,200	233,900	305,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	200	50	Cái	109,500	126,300	154,500	201,500
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	200	50	Cái	121,500	140,200	171,500	223,800
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	200	50	Cái	80,300	92,600	113,300	147,800
XI	MÁNG CÁP 200X75							
1	Máng cáp	200	75	Mét	127,200	146,800	179,600	234,200
2	Nắp máng cáp	200	75	Mét	73,000	84,200	103,000	134,400
3	Ngã ba T máng cáp	200	75	Cái	152,600	176,100	215,500	281,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	200	75	Cái	87,600	101,100	123,600	161,200
5	Chữ thập X máng cáp	200	75	Cái	190,700	220,100	269,300	351,300
6	Nắp chữ thập X máng cáp	200	75	Cái	109,500	126,300	154,500	201,500
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	200	75	Cái	139,900	161,400	197,500	257,700
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	200	75	Cái	80,300	92,600	113,300	147,800
XII	MÁNG CÁP 200X100							
1	Máng cáp	200	100	Mét	143,900	166,100	203,200	265,100
2	Nắp máng cáp	200	100	Mét	73,000	84,200	103,000	134,400
3	Ngã ba T máng cáp	200	100	Cái	172,600	199,300	243,800	318,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	200	100	Cái	87,600	101,100	123,600	161,200
5	Chữ thập X máng cáp	200	100	Cái	215,800	249,100	304,700	397,600
6	Nắp chữ thập X máng cáp	200	100	Cái	109,500	126,300	154,500	201,500
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	200	100	Cái	158,300	182,700	223,500	291,600

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)			
	MÁNG CÁP				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM							
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	200	100	Cái	80,300	92,600	113,300	147,800
XIII	MÁNG CÁP 250X50							
1	Máng cáp	250	50	Mét	127,200	146,800	179,600	234,200
2	Nắp máng cáp	250	50	Mét	89,400	103,200	126,200	164,600
3	Ngã ba T máng cáp	250	50	Cái	152,600	176,100	215,500	281,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	250	50	Cái	107,300	123,800	151,400	197,500
5	Chữ thập X máng cáp	250	50	Cái	190,700	220,100	269,300	351,300
6	Nắp chữ thập X máng cáp	250	50	Cái	134,100	154,700	189,300	246,900
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	250	50	Cái	139,900	161,400	197,500	257,700
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	250	50	Cái	98,300	113,500	138,800	181,100
XIV	MÁNG CÁP 250X75							
1	Máng cáp	250	75	Mét	143,900	166,100	203,200	265,100
2	Nắp máng cáp	250	75	Mét	89,400	103,200	126,200	164,600
3	Ngã ba T máng cáp	250	75	Cái	172,600	199,300	243,800	318,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	250	75	Cái	107,300	123,800	151,400	197,500
5	Chữ thập X máng cáp	250	75	Cái	215,800	249,100	304,700	397,600
6	Nắp chữ thập X máng cáp	250	75	Cái	134,100	154,700	189,300	246,900
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	250	75	Cái	158,300	182,700	223,500	291,600
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	250	75	Cái	98,300	113,500	138,800	181,100
XV	MÁNG CÁP 250X100							
1	Máng cáp	250	100	Mét	160,600	185,400	226,800	295,900
2	Nắp máng cáp	250	100	Mét	89,400	103,200	126,200	164,600
3	Ngã ba T máng cáp	250	100	Cái	192,700	222,400	272,100	355,000
4	Nắp ngã ba T máng cáp	250	100	Cái	107,300	123,800	151,400	197,500
5	Chữ thập X máng cáp	250	100	Cái	240,900	278,000	340,200	443,800
6	Nắp chữ thập X máng cáp	250	100	Cái	134,100	154,700	189,300	246,900
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	250	100	Cái	176,700	203,900	249,500	325,400
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	250	100	Cái	98,300	113,500	138,800	181,100
XVI	MÁNG CÁP 300X50							
1	Máng cáp	300	50	Mét	143,900	166,100	203,200	265,100
2	Nắp máng cáp	300	50	Mét	105,800	122,100	149,400	194,900
3	Ngã ba T máng cáp	300	50	Cái	172,600	199,300	243,800	318,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	300	50	Cái	127,000	146,500	179,300	233,800
5	Chữ thập X máng cáp	300	50	Cái	215,800	249,100	304,700	397,600
6	Nắp chữ thập X máng cáp	300	50	Cái	158,700	183,200	224,100	292,300
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	300	50	Cái	158,300	182,700	223,500	291,600
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	300	50	Cái	116,400	134,300	164,300	214,300

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)			
	MÁNG CÁP				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM							
XVII	MÁNG CÁP 300X75							
1	Máng cáp	300	75	Mét	160,600	185,400	226,800	295,900
2	Nắp máng cáp	300	75	Mét	105,800	122,100	149,400	194,900
3	Ngã ba T máng cáp	300	75	Cái	192,700	222,400	272,100	355,000
4	Nắp ngã ba T máng cáp	300	75	Cái	127,000	146,500	179,300	233,800
5	Chữ thập X máng cáp	300	75	Cái	240,900	278,000	340,200	443,800
6	Nắp chữ thập X máng cáp	300	75	Cái	158,700	183,200	224,100	292,300
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	300	75	Cái	176,700	203,900	249,500	325,400
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	300	75	Cái	116,400	134,300	164,300	214,300
XVIII	MÁNG CÁP 300X100							
1	Máng cáp	300	100	Mét	177,300	204,700	250,400	326,700
2	Nắp máng cáp	300	100	Mét	105,800	122,100	149,400	194,900
3	Ngã ba T máng cáp	300	100	Cái	212,800	245,600	300,500	392,000
4	Nắp ngã ba T máng cáp	300	100	Cái	127,000	146,500	179,300	233,800
5	Chữ thập X máng cáp	300	100	Cái	266,000	307,000	375,600	490,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	300	100	Cái	158,700	183,200	224,100	292,300
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	300	100	Cái	195,000	225,100	275,500	359,300
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	300	100	Cái	116,400	134,300	164,300	214,300
XIX	MÁNG CÁP 350X50							
1	Máng cáp	350	50	Mét	160,600	185,400	226,800	295,900
2	Nắp máng cáp	350	50	Mét	122,200	141,100	172,600	225,100
3	Ngã ba T máng cáp	350	50	Cái	192,700	222,400	272,100	355,000
4	Nắp ngã ba T máng cáp	350	50	Cái	146,700	169,300	207,100	270,100
5	Chữ thập X máng cáp	350	50	Cái	240,900	278,000	340,200	443,800
6	Nắp chữ thập X máng cáp	350	50	Cái	183,300	211,600	258,800	337,600
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	350	50	Cái	176,700	203,900	249,500	325,400
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	350	50	Cái	134,500	155,200	189,800	247,600
XX	MÁNG CÁP 350X75							
1	Máng cáp	350	75	Mét	177,300	204,700	250,400	326,700
2	Nắp máng cáp	350	75	Mét	122,200	141,100	172,600	225,100
3	Ngã ba T máng cáp	350	75	Cái	212,800	245,600	300,500	392,000
4	Nắp ngã ba T máng cáp	350	75	Cái	146,700	169,300	207,100	270,100
5	Chữ thập X máng cáp	350	75	Cái	266,000	307,000	375,600	490,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	350	75	Cái	183,300	211,600	258,800	337,600
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	350	75	Cái	195,000	225,100	275,500	359,300
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	350	75	Cái	134,500	155,200	189,800	247,600
XXI	MÁNG CÁP 350X100							
1	Máng cáp	350	100	Mét	194,000	224,000	274,000	357,500
2	Nắp máng cáp	350	100	Mét	122,200	141,100	172,600	225,100

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)			
	MÁNG CÁP				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM							
3	Ngã ba T máng cáp	350	100	Cái	232,800	268,800	328,800	429,000
4	Nắp ngã ba T máng cáp	350	100	Cái	146,700	169,300	207,100	270,100
5	Chữ thập X máng cáp	350	100	Cái	291,000	336,000	411,000	536,200
6	Nắp chữ thập X máng cáp	350	100	Cái	183,300	211,600	258,800	337,600
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	350	100	Cái	213,400	246,400	301,400	393,200
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	350	100	Cái	134,500	155,200	189,800	247,600
XXII	MÁNG CÁP 400X50							
1	Máng cáp	400	50	Mét	177,300	204,700	250,400	326,700
2	Nắp máng cáp	400	50	Mét	138,700	160,000	195,800	255,300
3	Ngã ba T máng cáp	400	50	Cái	212,800	245,600	300,500	392,000
4	Nắp ngã ba T máng cáp	400	50	Cái	166,400	192,000	234,900	306,400
5	Chữ thập X máng cáp	400	50	Cái	266,000	307,000	375,600	490,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	400	50	Cái	208,000	240,000	293,600	383,000
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	400	50	Cái	195,000	225,100	275,500	359,300
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	400	50	Cái	152,500	176,000	215,300	280,900
XXIII	MÁNG CÁP 400X100							
1	Máng cáp	400	100	Mét	210,800	243,300	297,700	388,300
2	Nắp máng cáp	400	100	Mét	138,700	160,000	195,800	255,300
3	Ngã ba T máng cáp	400	100	Cái	252,900	291,900	357,200	466,000
4	Nắp ngã ba T máng cáp	400	100	Cái	166,400	192,000	234,900	306,400
5	Chữ thập X máng cáp	400	100	Cái	316,100	364,900	446,500	582,400
6	Nắp chữ thập X máng cáp	400	100	Cái	208,000	240,000	293,600	383,000
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	400	100	Cái	231,800	267,600	327,400	427,100
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	400	100	Cái	152,500	176,000	215,300	280,900
XXIV	MÁNG CÁP 400X150							
1	Máng cáp	400	150	Mét	244,200	281,900	344,900	449,900
2	Nắp máng cáp	400	150	Mét	138,700	160,000	195,800	255,300
3	Ngã ba T máng cáp	400	150	Cái	293,100	338,300	413,900	539,900
4	Nắp ngã ba T máng cáp	400	150	Cái	166,400	192,000	234,900	306,400
5	Chữ thập X máng cáp	400	150	Cái	366,300	422,800	517,300	674,900
6	Nắp chữ thập X máng cáp	400	150	Cái	208,000	240,000	293,600	383,000
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	400	150	Cái	268,600	310,100	379,400	494,900
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	400	150	Cái	152,500	176,000	215,300	280,900
XXV	MÁNG CÁP 500X50							
1	Máng cáp	500	50	Mét	210,800	243,300	297,700	388,300
2	Nắp máng cáp	500	50	Mét	171,500	197,900	242,100	315,800
3	Ngã ba T máng cáp	500	50	Cái	252,900	291,900	357,200	466,000
4	Nắp ngã ba T máng cáp	500	50	Cái	205,800	237,500	290,500	379,000
5	Chữ thập X máng cáp	500	50	Cái	316,100	364,900	446,500	582,400

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)			
	MÁNG CÁP				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM							
6	Nắp chữ thập X máng cáp	500	50	Cái	257,200	296,900	363,200	473,700
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	500	50	Cái	231,800	267,600	327,400	427,100
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	500	50	Cái	188,600	217,700	266,300	347,400
XXVI	MÁNG CÁP 500X100							
1	Máng cáp	500	100	Mét	244,200	281,900	344,900	449,900
2	Nắp máng cáp	500	100	Mét	171,500	197,900	242,100	315,800
3	Ngã ba T máng cáp	500	100	Cái	293,100	338,300	413,900	539,900
4	Nắp ngã ba T máng cáp	500	100	Cái	205,800	237,500	290,500	379,000
5	Chữ thập X máng cáp	500	100	Cái	366,300	422,800	517,300	674,900
6	Nắp chữ thập X máng cáp	500	100	Cái	257,200	296,900	363,200	473,700
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	500	100	Cái	268,600	310,100	379,400	494,900
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	500	100	Cái	188,600	217,700	266,300	347,400
XXVII	MÁNG CÁP 500X150							
1	Máng cáp	500	150	Mét	277,700	320,500	392,100	511,600
2	Nắp máng cáp	500	150	Mét	171,500	197,900	242,100	315,800
3	Ngã ba T máng cáp	500	150	Cái	333,200	384,600	470,600	613,900
4	Nắp ngã ba T máng cáp	500	150	Cái	205,800	237,500	290,500	379,000
5	Chữ thập X máng cáp	500	150	Cái	416,500	480,700	588,200	767,300
6	Nắp chữ thập X máng cáp	500	150	Cái	257,200	296,900	363,200	473,700
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	500	150	Cái	305,400	352,600	431,300	562,700
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	500	150	Cái	188,600	217,700	266,300	347,400
XXVIII	MÁNG CÁP 600X100							
1	Máng cáp	600	100	Mét	277,700	320,500	392,100	511,600
2	Nắp máng cáp	600	100	Mét	204,300	235,800	288,500	376,300
3	Ngã ba T máng cáp	600	100	Cái	416,500	480,700	588,200	767,300
4	Nắp ngã ba T máng cáp	600	100	Cái	306,400	353,700	432,700	564,400
5	Chữ thập X máng cáp	600	100	Cái	499,800	576,900	705,800	920,800
6	Nắp chữ thập X máng cáp	600	100	Cái	306,400	353,700	432,700	564,400
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	600	100	Cái	388,700	448,700	549,000	716,200
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	600	100	Cái	224,700	259,400	317,300	413,900
XXIX	MÁNG CÁP 600X150							
1	Máng cáp	600	150	Mét	311,100	359,100	439,400	573,200
2	Nắp máng cáp	600	150	Mét	204,300	235,800	288,500	376,300
3	Ngã ba T máng cáp	600	150	Cái	466,600	538,700	659,000	859,800
4	Nắp ngã ba T máng cáp	600	150	Cái	306,400	353,700	432,700	564,400
5	Chữ thập X máng cáp	600	150	Cái	560,000	646,400	790,800	1,031,700
6	Nắp chữ thập X máng cáp	600	150	Cái	306,400	353,700	432,700	564,400

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)			
	MÁNG CÁP				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM							
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	600	150	Cái	435,500	502,800	615,100	802,500
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	600	150	Cái	224,700	259,400	317,300	413,900
XXX	MÁNG CÁP 600X200							
1	Máng cáp	600	200	Mét	344,600	397,700	486,600	634,800
2	Nắp máng cáp	600	200	Mét	204,300	235,800	288,500	376,300
3	Ngã ba T máng cáp	600	200	Cái	516,800	596,600	729,900	952,200
4	Nắp ngã ba T máng cáp	600	200	Cái	306,400	353,700	432,700	564,400
5	Chữ thập X máng cáp	600	200	Cái	620,200	715,900	875,900	1,142,600
6	Nắp chữ thập X máng cáp	600	200	Cái	306,400	353,700	432,700	564,400
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	600	200	Cái	482,400	556,800	681,200	888,700
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	600	200	Cái	224,700	259,400	317,300	413,900
XXXI	MÁNG CÁP 800X100							
1	Máng cáp	800	100	Mét	344,600	397,700	486,600	634,800
2	Nắp máng cáp	800	100	Mét	270,000	311,600	381,200	497,300
3	Ngã ba T máng cáp	800	100	Cái	516,800	596,600	729,900	952,200
4	Nắp ngã ba T máng cáp	800	100	Cái	404,900	467,400	571,800	745,900
5	Chữ thập X máng cáp	800	100	Cái	620,200	715,900	875,900	1,142,600
6	Nắp chữ thập X máng cáp	800	100	Cái	404,900	467,400	571,800	745,900
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	800	100	Cái	482,400	556,800	681,200	888,700
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	800	100	Cái	297,000	342,800	419,300	547,000
XXXII	MÁNG CÁP 800X150							
1	Máng cáp	800	150	Mét	378,000	436,300	533,900	696,500
2	Nắp máng cáp	800	150	Mét	270,000	311,600	381,200	497,300
3	Ngã ba T máng cáp	800	150	Cái	567,000	654,500	800,800	1,044,700
4	Nắp ngã ba T máng cáp	800	150	Cái	404,900	467,400	571,800	745,900
5	Chữ thập X máng cáp	800	150	Cái	680,400	785,400	960,900	1,253,600
6	Nắp chữ thập X máng cáp	800	150	Cái	404,900	467,400	571,800	745,900
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	800	150	Cái	529,200	610,900	747,400	975,000
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	800	150	Cái	297,000	342,800	419,300	547,000
XXXIII	MÁNG CÁP 800X200							
1	Máng cáp	800	200	Mét	411,500	475,000	581,100	758,100
2	Nắp máng cáp	800	200	Mét	270,000	311,600	381,200	497,300
3	Ngã ba T máng cáp	800	200	Cái	617,200	712,400	871,600	1,137,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	800	200	Cái	404,900	467,400	571,800	745,900
5	Chữ thập X máng cáp	800	200	Cái	740,600	854,900	1,045,900	1,364,500
6	Nắp chữ thập X máng cáp	800	200	Cái	404,900	467,400	571,800	745,900
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	800	200	Cái	576,000	664,900	813,500	1,061,300

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)			
	MÁNG CÁP				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM							
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	800	200	Cái	297,000	342,800	419,300	547,000
XXXIV	MÁNG CÁP 1000X100							
1	Máng cáp	1000	100	Mét	411,500	475,000	581,100	758,100
2	Nắp máng cáp	1000	100	Mét	335,600	387,400	473,900	618,200
3	Ngã ba T máng cáp	1000	100	Cái	617,200	712,400	871,600	1,137,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	1000	100	Cái	503,400	581,100	710,900	927,300
5	Chữ thập X máng cáp	1000	100	Cái	740,600	854,900	1,045,900	1,364,500
6	Nắp chữ thập X máng cáp	1000	100	Cái	503,400	581,100	710,900	927,300
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	1000	100	Cái	576,000	664,900	813,500	1,061,300
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	1000	100	Cái	369,200	426,100	521,300	680,100
XXXV	MÁNG CÁP 1000X150							
1	Máng cáp	1000	150	Mét	444,900	513,600	628,300	819,700
2	Nắp máng cáp	1000	150	Mét	335,600	387,400	473,900	618,200
3	Ngã ba T máng cáp	1000	150	Cái	667,300	770,300	942,500	1,229,500
4	Nắp ngã ba T máng cáp	1000	150	Cái	503,400	581,100	710,900	927,300
5	Chữ thập X máng cáp	1000	150	Cái	800,800	924,400	1,131,000	1,475,400
6	Nắp chữ thập X máng cáp	1000	150	Cái	503,400	581,100	710,900	927,300
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	1000	150	Cái	622,800	719,000	879,600	1,147,600
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	1000	150	Cái	369,200	426,100	521,300	680,100
XXXVI	MÁNG CÁP 1000X200							
1	Máng cáp	1000	200	Mét	478,400	552,200	675,600	881,300
2	Nắp máng cáp	1000	200	Mét	335,600	387,400	473,900	618,200
3	Ngã ba T máng cáp	1000	200	Cái	717,500	828,200	1,013,300	1,322,000
4	Nắp ngã ba T máng cáp	1000	200	Cái	503,400	581,100	710,900	927,300
5	Chữ thập X máng cáp	1000	200	Cái	861,000	993,900	1,216,000	1,586,400
6	Nắp chữ thập X máng cáp	1000	200	Cái	503,400	581,100	710,900	927,300
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	1000	200	Cái	669,700	773,000	945,800	1,233,900
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	1000	200	Cái	369,200	426,100	521,300	680,100

2, Thời gian giao hàng: - 5-7 ngày kể từ ngày xác nhận đặt hàng và tạm ứng

3, Địa điểm giao hàng: - tại kho bên bán

4, Hình thức thanh toán: - Tiền mặt hoặc chuyển khoản

+ Chủ TK: Công ty cổ phần 2DE Việt Nam

+ STK: 03366013633888 tại ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi Nhánh Cầu Giấy - Hà Nội

5, Điều khoản thanh toán: - Tạm ứng 50%, 50% còn lại thanh toán trước khi giao hàng

6, Thời gian bảo hành: - 12 tháng từ ngày bàn giao. Sản phẩm được bảo hành do lỗi nhà sản xuất

Rất hân hạnh được hợp tác với Quý Khách Hàng!